TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/DS-PT
Ngày 28 - 7 - 2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Khương;
Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Trung – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Huỳnh Đức Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 475/2024/TLPT-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 59/2025/QĐ-PT ngày 15 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Hà T, sinh năm 1967. *(Có mặt)*

Địa chỉ: số A, Quốc lộ F, Phường F, thành phố T, tỉnh Long An (nay là số A, Quốc lộ F, phường L, tỉnh Tây Ninh).

Bị đơn:

1. Ông Huỳnh Hữu L, sinh năm 1962. *(Có mặt)*

Địa chỉ: số A, Quốc lộ F, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An (nay là số A, Quốc lộ F, phường L, tỉnh Tây Ninh).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Văn K – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L (nay là Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T). *(Có mặt)*

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ P, sinh năm 1962. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: 4825 EL CAJON BLVD, SAN DIEGO, CA 92115, USA.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Đặng Thị Hà T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 11 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đặng Thị Hà T do ông Đặng Bá T1 đại diện trình bày:

Ngày 02 tháng 02 năm 2001, bà Đặng Thị Hà T cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ P, ông Huỳnh Hữu L mượn số tiền 173.950.000 đồng. Ông L, bà P hứa sẽ trả mỗi ngày 100.000 đồng và trả đến ngày 02 tháng 02 năm 2006. Bà P, ông L có viết giấy mượn tiền có nội dung: "*Huỳnh Hữu L, Nguyễn Thị Mỹ P, hiện ngụ Khóm I, Phường I, T.X T.A có mượn T số tiền là 173.950.000đ (một trăm bảy mươi ba triệu chín trăm năm chục ngàn đồng chẵn), mỗi ngày đóng 100.000đ (một trăm ngàn đồng chẵn) trong vòng năm năm từ ngày 02/02/2001 đến 02/02/2006 AL cho đủ số tiền nói trên 173.950.000đ. Long An ngày 02/02/2001 Âm lịch. Ký tên Nguyễn Thị Mỹ P, Huỳnh Hữu L*". Cho đến nay, vợ chồng bà P, ông L vẫn không trả số tiền trên cho bà T nên bà T khởi kiện ra Tòa án nhân dân tỉnh Long An yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ P và ông Huỳnh Hữu L liên đới trả lại số tiền 173.950.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà T không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định đối với chữ ký, chữ viết của bà P, ông L trên giấy mượn tiền.

Bị đơn ông Huỳnh Hữu L trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Năm 1984, ông L với bà Nguyễn Thị Mỹ P xác lập quan hệ vợ chồng và sống chung với nhau. Đến khoảng năm 2002 thì đăng ký kết hôn. Ông L, bà P có hai con chung tên Huỳnh Quang M, sinh năm 1986 và Huỳnh Quang H, sinh năm 1997. Đến năm 2012, ông L với bà P đã ly hôn do Tòa án nhân dân thành phố Tân An giải quyết. Ông L bị khuyết tật về nhìn nên đã được người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp thông qua nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Hà T và chứng cứ là giấy mượn tiền đề ngày 02/02/2001 âm lịch. Do đó, ông L có ý kiến như sau: Nhà ông L cách nhà bà T khoảng hơn 100m, do ở gần xóm nên ông L cũng biết bà T. Tuy nhiên, trước giờ ông L không có mượn tiền của bà T, ông L cũng không có ký giấy mượn tiền nào của bà T, xác định giấy mượn tiền đề ngày 02/02/2001 âm lịch do bà T cung cấp cho Tòa án khi khởi kiện thì không phải chữ ký của ông L. Bà P có mượn tiền của bà T hay không thì ông L không biết. Ông L không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký trong giấy mượn tiền do bà T cung cấp. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu bà P và ông L trả số tiền 173.950.000 đồng thì ông L không đồng ý. Ông L còn minh mẫn và nhận thức

đầy đủ, chỉ bị khuyết tật về nhìn nên có người bảo vệ quyền lợi hợp pháp.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ P không có ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản án số 75/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã tuyên xử như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Hà T về việc yêu cầu ông Huỳnh Hữu L, bà Nguyễn Thị Mỹ P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đặng Thị Hà T số tiền vay là 173.950.000 đồng.

2. Về chi phí thực hiện ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Buộc bà Đặng Thị Hà T phải chịu là 8.234.168 đồng (đã nộp xong).

3. Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Buộc bà Đặng Thị Hà T phải chịu 200.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu số 0001548 ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Cục Thi hành án án dân sự tỉnh Long An.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Đặng Thị Hà T phải chịu 8.697.500 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.349.000 đồng theo biên lai thu số 0001517 ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Cục Thi hành án án dân sự tỉnh Long An. Bà Đặng Thị Hà T còn phải nộp thêm 4.348.500 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên xử về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn ông Huỳnh Hữu L cùng Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L trình bày: Giấy mượn tiền đề ngày 02/02/2001 âm lịch do bà T cung cấp không ghi rõ tên T là nam hay nữ, địa chỉ ở đâu. Có khi bà T nhặt giấy này ở đâu đó rồi mang đi kiện ông L, bà P. Ông L không thừa nhận có mượn tiền bà T, không có kinh doanh, mua bán hay giao dịch gì với bà T. Ông L với bà P đã ly hôn năm 2012, khi đó có nợ chung nhưng chỉ nợ ngân hàng. Do đó không có căn cứ xác định bị đơn là người ký tên trên giấy mượn tiền vì không có các thông tin về nhân thân của người tên "T" trên giấy. Nhà ông L với bà T cũng gần nhau nên bên nguyên đơn cũng biết bà P đi xuất cảnh qua Mỹ nhưng không khởi kiện. Giấy mượn tiền không thể hiện rõ, nếu mượn thì cũng đã hết thời hiệu do thời gian quá dài. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về yêu cầu kháng cáo: Sau khi có kết luận giám định tại giai đoạn phúc thẩm, có căn cứ xác định bị đơn đã vay tiền của nguyên đơn với số tiền nguyên đơn khởi kiện nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Mỹ P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà P là có căn cứ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà T trình bày: vào ngày 02 tháng 02 năm 2001, bà T cho vợ chồng bà P, ông L mượn số tiền 173.950.000 đồng. Ông L, bà P hứa sẽ trả mỗi ngày 100.000 đồng và trả đến ngày 02 tháng 02 năm 2006. Bà P có viết giấy mượn tiền rồi bà P cùng ông L ký tên. Nội dung giấy mượn tiền như sau: "*Huỳnh Hữu L, Nguyễn Thị Mỹ P, hiện ngụ Khóm I, Phường I, T.X T.A có mượn T số tiền là 173.950.000đ (một trăm bảy mươi ba triệu chín trăm năm chục ngàn đồng chẵn), mỗi ngày đóng 100.000đ (một trăm ngàn đồng chẵn) trong vòng năm năm từ ngày 02/02/2001 đến 02/02/2006 AL cho đủ số tiền nói trên 173.950.000đ. Long An ngày 02/02/2001 Âm lịch. Ký tên Nguyễn Thị Mỹ P, Huỳnh Hữu L*".

Mặc dù trên giấy mượn tiền không thể hiện có ghi thông tin về nhân thân của người cho vay như chứng minh nhân dân của bị đơn và địa chỉ khi nguyên đơn cung cấp để khởi kiện so với địa chỉ trên Giấy mượn tiền cũng không trùng khớp hoàn toàn, nhưng nguyên đơn đã cung cấp chữ ký và chữ viết của bị đơn được thu thập trong vụ án ly hôn của vợ chồng bị đơn để làm mẫu so sánh với chữ ký và chữ viết trên giấy mượn tiền. Tại bản kết luận giám định số 363/KL-KTHS ngày 27/6/2025 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc V Bộ C1 có nội dung như sau:

"*1. Chữ ký, chữ viết họ tên "Huỳnh Hữu L" ở cuối trang trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Huỳnh Hữu L dùng làm mẫu so sánh tương ứng trên tài liệu ký hiệu từ M1 đến M6 là do cùng một người ký và viết ra.*

2. Chữ viết họ tên "Huỳnh Hữu L" ở cuối trang trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết đứng tên Huỳnh Hữu L dùng làm mẫu so sánh trên tài liệu ký hiệu từ M7 đến M11 là do cùng một người viết ra.

3. Không tiến hành giám định chữ ký đứng tên Huỳnh Hữu L ở cuối trang trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký đứng tên Huỳnh Hữu L dùng làm mẫu so sánh tương ứng trên tài liệu ký hiệu từ M7 đến M12 vì khác dạng.

4. Chữ ký, chữ viết họ tên "Nguyễn Thị Mỹ P" dưới chữ ký trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Mỹ P dùng làm mẫu so sánh trên tài liệu ký hiệu M9, M10, M11 và từ M13 đến M17 là do cùng một người ký và viết ra."

Trong đó, tài liệu cần giám định ký hiệu A là giấy mượn tiền ngày 02/02/2001 đã đề cập; các tài liệu ký hiệu từ M1 đến M17 là tài liệu thu thập được dùng làm mẫu để đối chiếu chữ ký, chữ viết cần giám định.

Do đó có căn cứ xác định giấy mượn tiền nói trên được bị đơn ký nhận và có căn cứ xác định bị đơn có vay tiền nguyên đơn; đây là tình tiết mới tại cấp phúc thẩm nên sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đề nghị của Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm là có căn cứ.

[3] Về chi phí thực hiện ủy thác tư pháp và lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Bà T tự nguyện chịu và đã nộp xong.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm nhưng do là người lớn tuổi và ông L có yêu cầu được miễn án phí cho ông L và bà T nên được miễn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Đặng Thị Hà T.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh).

Căn cứ Điều 467 của Bộ luật dân sự năm 1995;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Hà T về việc yêu cầu ông Huỳnh Hữu L, bà Nguyễn Thị Mỹ P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đặng Thị Hà T số tiền 173.950.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về chi phí thực hiện ủy thác tư pháp ra nước ngoài và lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và chi phí giám định bà T tự nguyên nộp và đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Bị đơn được miễn. Đối với nguyên đơn bà Đặng Thị Hà T không phải chịu án phí dân sơ thẩm và phúc thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 4.349.000 đồng và tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp theo các Biên lai thu số 0001517 ngày 17 tháng 11 năm 2022 và số 0000137 ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VCTKSXXPT tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Tây Ninh (1);
- VKSND tỉnh Tây Ninh (1);
- THADS tỉnh Tây Ninh (1);
- ĐS (3);
- Lưu VP(3), HS(2).15b.NHT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cúc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Văn Khương

Nguyễn Thị Thúy Hòa

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cúc